

Ngày 16 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tám	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Cháo thịt bò bí ngô rau mùi
Trứng vịt, thịt lợn đảo bông hành hoa		Cháo thịt bò bí ngô rau mùi	
Cải thảo xào tôm rau mùi			
Canh cải ngọt nấu thịt vịt			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	179	20,000	3,580,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	51	20,000	1,020,000	
	TỔNG	230		4,600,000	

III. PHẦN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tám	21000	18.1	380100	3.6	75600	21.7	455700
2	Trứng vịt	70000	5.7	399000	1.2	84000	6.9	483000
3	Thịt mỡ	140000	4.6	644000	0.8	112000	5.4	756000
4	Cải thảo	20000	4.4	88000	0.5	10000	4.9	98000
5	Tôm	290000	1.3	377000	0.2	58000	1.5	435000
6	Cải ngọt	25000	1.9	47500	0.4	10000	2.3	57500
7	Thịt vịt	95000	3.5	332500	0.4	38000	3.9	370500
8	Thịt bò	285000	1.2	342000	1.3	370500	2.5	712500
9	Bí ngô	20000	1.7	34000	0.5	10000	2.2	44000
10	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.01	400	0.09	3600
11	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
12	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
13	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.8	208000	3.8	988000
14	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.4	30000	1.8	135000
15	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
16	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
17	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
18	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3600550		1019950		4620500

IV. PHẦN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,600,000
- Số tiền đã chi: 4620500
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -20,500

Ngày 16 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tám	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Cháo thịt bò bí ngô rau mùi
Trứng vịt , thịt lợn đảo bông hành hoa		Cháo thịt bò bí ngô rau mùi	
Cải thảo xào tôm rau mùi			
Canh cải ngọt nấu thịt vịt			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	180	20,000	3,600,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	59	20,000	1,180,000	
	TỔNG	239		4,780,000	

III. PHẦN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tám	21000	18.1	380100	3.8	79800	21.9	459900
2	Trứng vịt	70000	5.7	399000	1.5	105000	7.2	504000
3	Thịt mỡ	140000	4.6	644000	1	140000	5.6	784000
4	Cải thảo	20000	4.4	88000	0.6	12000	5	100000
5	Tôm	290000	1.3	377000	0.2	58000	1.5	435000
6	Cải ngọt	25000	1.9	47500	0.5	12500	2.4	60000
7	Thịt vịt	95000	3.5	332500	0.5	47500	4	380000
8	Thịt bò	285000	1.2	342000	1.5	427500	2.7	769500
9	Bí ngô	20000	1.7	34000	0.6	12000	2.3	46000
10	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.01	400	0.09	3600
11	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
12	Mùi tàu	50000	0.08	4000	0.02	1000	0.1	5000
13	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.9	234000	3.9	1014000

14	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.4	30000	1.8	135000
15	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
16	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
17	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
18	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.2	14200	0.7	49700
	Cộng tiền			3600550		1179750		4780300

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,780,000
- Số tiền đã chi: 4780300
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -300